TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2019.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị Y và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Dương Hòa Thuận

Ông Trần Thanh Tùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2018 về tranh chấp *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HN, ngày 01/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N Y, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp GD, xã Hiệp M T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp G D, xã Hiệp M T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Con chung của chị Y và anh L tên: Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn L qua thời gian quen biết và tìm hiểu đến năm 2003 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã V K, huyện C N quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung Phạm Thị Y N,

sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 hiện tôi đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2008 và ly thân nhưng đến năm 2009 anh L thay đổi nên vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian đến năm 2017 anh L không thay đổi tính tình mà lại cớ bạc, ghen tuông, đánh đập chị, vợ chồng cải vả thường xuyên, thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn L.

- Về con chung: Tên Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 hiện chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn L: Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay cháu Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 Vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh L, về con chung Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 tại biên bản ghi lời khai cháu N có nguyện vọng được sống với chị Y. Ngoài ra về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung do chị Y không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không có không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Phạm Văn L có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Lê Thị N Y khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn L và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N Y và anh Phạm Văn L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị Y và anh L là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị Y và anh L tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị Y và anh L đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức. Tại biên bản hòa giải và bản tự khai cùng ngày 20/12/2018 anh L thống nhất quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Y khởi kiện là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng còn ham chơi với bạn bè không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng cải vả thường xuyên nên chị Y làm đơn xin ly hôn với anh. Nay chị Y yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị Y cương quyết ly hôn về con chung Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 anh đồng ý để Y được tiếp tục nuôi anh không cấp dưỡng nuôi con về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có anh không yêu cầu. Tòa án mời nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không đến và tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y xin được ly hôn với anh L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y, xử cho chị Y và anh L được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 là con của chị Y và anh L, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu N và cháu H sống với chị Y, được chị Y nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và tại biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2019 cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị Y. Tại phiên tòa hôm nay chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và cháu H và cũng tại biên bản hòa giải và bản tự khai cùng ngày 20/12/2018 anh L đồng ý để chị Y tiếp tục nuôi hai con. Để cháu N và cháu H có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012 cho chị Lê Thị N Y được

quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do chị Y không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Y không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, các Điều 147, 227, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N Y.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N Y và anh Phạm Văn L được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Lê Thị N Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phạm Thị Y N, sinh ngày 02/02/2004 và Phạm Lâm C H, sinh ngày 24/11/2012.

Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y và anh L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Y và anh L không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Y và anh L khai không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị N Y nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0019201, ngày 28/11/2018 do chị Y nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Lê Thị N Y đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V K,
huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA./.